

Đề bài

Qua bài thơ

Tây Tiến

của Quang Dũng, anh (chị)
hãy thể hiện cảm nhận của
mình về vẻ đẹp ngôn ngữ
thơ ca.

Bài làm

Cứ như là gió mênh mang, là mây xanh thăm chở nổi nhớ chơi vui đi muôn dặm... Cứ vương vấn trong lòng người khúc độc hành sông núi ngân vang lời vĩnh quyết trầm hùng... Đã hơn bốn mươi năm trôi qua kể từ cái “mùa xuân ấy” “Tây Tiến” ra đời, âm hưởng đó vẫn vẹn nguyên trong ký ức những ai đã một lần thả hồn phiêu du cùng đoàn binh “chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”. Phải chăng, vẻ đẹp ngôn ngữ thơ ca đã tạo nên sức sống vững bền cho “Tây Tiến”?

Ngôn ngữ là chất liệu, là phương tiện để biểu hiện mang tính chất đặc trưng của văn chương. Có lẽ vì thế mà M. Go-rơ-ki viết: “Yếu tố đầu tiên của văn học là ngôn ngữ, công cụ chủ yếu của nó và – cùng với các sự kiện, các hiện tượng của cuộc sống – là chất liệu của văn học”. Đặc điểm chung của ngôn ngữ là văn học là tính chính xác, tính hàm xúc và tính hình tượng. Tuy nhiên, ở mỗi thể loại, những đặc điểm ấy lại biểu hiện dưới những sắc thái và mức độ khác nhau, đồng thời, mỗi tác phẩm cũng có những vẻ đẹp riêng về ngôn ngữ.

Ngôn ngữ thơ ca có thể xem là tiêu biểu cho ngôn ngữ văn học. Bởi vì các đặc điểm như tính chính xác, tính hàm xúc, tính hình tượng được thể hiện một cách tập trung với yêu cầu cao nhất trong ngôn ngữ thơ ca. Pau-tốp-xki đã từng thốt lên: “Những chữ xơ xác nhất mà chúng ta đã nói cạn cùng, mất sạch tính chất hình tượng đối với chúng ta, những chữ ấy trong thơ ca lại sáng lấp lánh, lại kêu giong và tỏa hương”. Chính vì thế, ngôn ngữ thơ ca không phải là vẻ đẹp của đồ trang sức hay trò chơi phù phiếm, mà là vẻ đẹp tỏa ra từ tâm hồn và vẻ đẹp ánh lên từ cuộc sống, thông qua sự mài dũa và tinh luyện của nhà thơ. Đến với *Tây Tiến* của Quang Dũng, ta bắt gặp một vẻ đẹp ngôn ngữ thơ ca như thế!

“Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi

Nhớ về rừng núi nhớ chơi vui”

Tôi chợt nhớ đến hai câu thơ của Bích Khê:

“Chiều đi trên đồi êm như tơ

Chiều đi trong lòng êm như mơ”

Cảm nhận được bước đi của chiều, Bích Khê sử dụng những từ thanh bằng gợi nên cảm giác êm ái, tĩnh lại trong không gian và trong lòng người. Cảm giác lung lờ ấy như được gặp lại qua ba từ “nhớ chơi vui” của Quang Dũng. Nổi nhớ là một khái niệm trừu tượng, rất khó nắm bắt được từng cung bậc của nó. Vậy mà thi nhân đã gọi tên và định hình nổi nhớ, biến cái vô hình thành cái hữu hình. Cứ như là sương, là khói, chỉ mong manh thế thôi... Cứ như chực tan biến, chập chờn ẩn hiện nổi “nhớ chơi vui” lơ lửng như chòm mây phiêu lãng mãi miết đi về cố hương. Phải có một tâm hồn nhạy cảm và tinh tế, tác giả mới thốt lên thành lời như thế.

Xuất phát từ một nhu cầu rất quan trọng đối với văn học là phải phản ánh hiện thực một cách chân thực, vẻ đẹp ngôn ngữ thơ ca được hình thành từ sự trong sáng, chính xác. Đó chính là khả năng biểu hiện chính điều thi nhân muốn nói, miêu tả đúng cái mà tác giả cần tái hiện. Đọc *Tây Tiến*, tuy không thấy xuất hiện từ “chết” nhưng ta bắt gặp rất nhiều khái niệm chỉ cái chết:

“Gục lên súng mũ bỏ quên đời”

“Rải rác biên cương mồ viễn xứ”

“Áo bào thay chiếu anh về đất”

“Tây Tiến người đi không hẹn ước”

Có lẽ ta ít gặp trong thơ ca kháng chiến chống Pháp (1946 – 1954) những thi phẩm nói về cái chết. Có một thời người ta quy chụp cho Quang Dũng là “bi lụy, sâu não” mà ít ai để ý đến giá trị đích thực của bài thơ. Những khái niệm về cái chết mà thi nhân sử dụng giúp ta cảm nhận được những gì tác giả muốn miêu tả về hiện thực. Hơn thế nữa, mỗi lần sử dụng khái niệm này, tác giả cho ta thấy sự điều luyện trong việc dùng ngôn ngữ. Người lính “gục lên súng mũ bỏ quên đời” nhưng như vẫn đang làm nhiệm vụ canh gác giữa đất trời. Hình ảnh những “nằm mồ viễn xứ” đem lại cảm giác lạnh lẽo, khốc liệt, cho ta thấy được cái tàn khốc của chiến tranh. Anh “về đất” có thể nói đã gây ấn tượng mạnh mẽ cho người đọc. Như là đất mẹ giang tay đón nhận đưa anh về với sự bình yên... Dùng từ trong sáng, chính xác cũng là sự sáng tạo, phát hiện độc đáo của tác giả. Đi suốt thi phẩm *Tây Tiến*, ta còn bắt gặp nhiều từ ngữ được sử dụng rất chính xác đem lại hiệu quả thẩm mỹ cao. Miêu tả thời gian, Quang Dũng không sử dụng khái niệm mùa quen thuộc, ông đã sáng tạo ra hình ảnh “mùa em”. Xuân, Hạ, Thu, Đông là mùa của cả đất trời, của tất cả mọi người. Nhưng “mùa em” là mùa ta gặp em, mùa gắn với hương nếp Mai Châu hay nghĩa tình người miền Tây. Không viết “hoa nở” mà là “hoa về”. Hoa nở thì tĩnh quá, thường quá. “Hoa về” còn ẩn chứa niềm vui hân hoan của hoa, của lòng người. Không viết “bông lau” mà viết “hồn lau”. Phải chăng mảnh đất Tây Bắc, “xứ thiêng liêng” ấy đã gắn bó với tâm hồn thi nhân. Để mỗi bờ cây ngọn cỏ đều có linh hồn, “hồn lau” ẩn chứa ân tình sâu nặng, cả một nỗi niềm rung rung khi nhớ về *Tây Tiến*:

Mai-a-cốp-xki đã từng viết:

“Phải phí tốn ngàn cân quặng chữ

Mới thu về một chữ mà thôi

Những chữ ấy làm cho rung động

Triệu trái tim trong hàng triệu năm dài”.

Sử dụng từ thích hợp với đối tượng được miêu tả hoặc tạo ra ngữ cảnh thích hợp để từ ngữ bộc lộ đúng ý nghĩa của nó là bản chất của tính chính xác. Ai lại không nhớ những câu thơ:

*“Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời”.*

Hai từ “khúc khuỷu”, “thăm thẳm” đặt gần nhau trong một câu thơ là điều khó gặp. Chỉ thấy dốc lên cao, cao mãi như dựng đứng giữa đất trời rồi đột nhiên chạm vào mây xanh. Đất và trời gặp nhau nhờ dấu chân người lính.

Không chỉ chính xác, vẻ đẹp ngôn ngữ thơ ca còn toát lên sự cô đọng, hàm súc, nói ít gợi nhiều. Tôi nhớ đến nguyên lí “tảng băng trôi”, bảy phần chìm chỉ một phần nổi. Người nghệ sĩ không phải là cái loa phát thanh cho ý tưởng của mình mà nói lên bằng ngôn từ có nhiều sức gợi. Lời chật mà ý rộng, lời đã hết mà ý khôn cùng. Đây là cách dùng từ sao cho “đắt” nhất, phù hợp nhất. Khi xưa, Nguyễn Du đã “giết chết” biết bao nhân vật chính nhờ tính hàm súc của ngôn ngữ thơ ca. Chỉ bằng một từ (mỗi nhân vật chỉ cần một từ thôi), Nguyễn Du cho ta thấy sự vô học của Mã Giám Sinh:

“Ghé trên ngòi tót sỗ sàng”

Chữ “tót” đắt giá ấy đã làm đậm nét bản chất của Mã Giám Sinh. Thế là phủ đi tất cả những hình thức “mây râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao” mà hấn khoác bên ngoài. Nói đến *Tây Tiến*, ta không thể không nhắc đến hình ảnh:

“Heo hút cồn mây súng ngửi trời”

Tại sao không phải là “súng ngửi trời” hay “súng đụng trời”? Từ tốc độ thăm thẳm của đèo cao núi đá, bước chân người lính khi lên tới đỉnh không hề mệt mỏi. Họ vẫn có cái nhìn rất linh. Sự đồng điệu trong tâm hồn lính còn cho ta bắt gặp hình ảnh “hoa đong đưa”. Đâu chỉ là một bông hoa vô tri. Đâu chỉ là sự “đong đưa” chuyển động trên dòng nước. Ta còn được đón nhận một linh hồn hoa bé bỏng như cũng muốn làm duyên làm dáng. Ngắm “Mùa thu vàng” của Lê-vin-tan thì đẹp thật đấy, nhưng có ai nghe thấy tiếng:

“Con nai vàng ngơ ngác

Đạp trên lá vàng khô”

(Luu Trọng Lu)

“Thi trung hữu họa”, chẳng phải Đoàn Phú Tứ đã vẽ được “màu thời gian” đó sao?

Tính đa nghĩa của từ cũng tạo nên vẻ đẹp cho ngôn ngữ thơ ca. Phải chăng, một tác phẩm văn chương vượt qua sự băng hoại của thời gian là tác phẩm luôn làm nảy sinh nhiều cách hiểu?

“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa

Kìa em xiêm áo tự bao giờ”

“Em” là ai? Em là sơn nữ, là bóng hồng vùng núi rừng Tây Bắc hay là một chiến sĩ trong đoàn binh Tây Tiến? “Em” cũng có thể là sự hóa trang của những người lính trong đêm hội đuốc hoa. Hay câu thơ:

*“Có thấy dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”*

Dáng người ở đây có thể là một cô gái, một chàng trai. Dù hiểu thế nào cũng không che khuất được vẻ đẹp cất lên từ “dáng người” ấy. Vi-nô-gra-đóp đã viết: “Mỗi từ đều có khả năng phát động một trường liên tưởng rộng lớn”. Điều đó đã làm nên sức hấp dẫn cho văn chương. Mỗi thi phẩm qua sự tiếp nhận của mỗi tâm hồn đều đem lại những nguồn cảm xúc khác nhau. Chính vì thế có ý kiến cho rằng đến với Truyện Kiều, mỗi người trong chúng ta có một hình tượng nàng Kiều riêng. *Tây Tiến* là cả một khúc nhạc hành quân. Đọc những câu thơ sau, ta như được đứng trong một dàn giao hưởng đang đến đoạn cao trào:

*“Đốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”*

Những câu thơ “khô độc” được Quang Dũng sử dụng khá tự nhiên. Nhịp điệu thơ lên xuống bất ngờ. Ta đã từng gặp những câu thơ như thế:

*“Tài cao phận thấp chí khí uất
Giang hồ mê chơi quên quê hương”*

(Tản Đà)

*“Sương nương theo trăng ngừng lưng trời
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi”*

(Xuân Diệu)

*“Bồi hồi sóng nước, băng khuâng gió
Đậm đậm cá chuồn, thơm thơm khoai”*

(Xuân Diệu)

Vẻ đẹp ngôn ngữ thơ ca tựa như cô bé Lọ Lem trong truyện cổ tích. Lúc đi dự hội thì như một nàng tiên thật duyên dáng, nhưng thường ngày lại tât bật với việc giặt giũ áo quần, người vương mùi hành, mùi khoai mới gọt. Ngôn ngữ thơ ca không đối lập với ngôn ngữ toàn dân. Nó tiếp thu tinh hoa của ngôn ngữ thường nhật, không ngừng nâng cao, làm giàu thêm ngôn ngữ toàn dân. Chính vì vậy, nhà thơ không ngừng sáng tạo, như người thợ toàn năng gọt dũa, nhào luyện để tạo nên giá trị nghệ thuật của ngôn từ. Sở dĩ *Tây Tiến* được tồn tại được là nhờ một phần yếu tố này. Người ta bắt gặp lần đầu tiên hình ảnh “súng ngửi trời”: người ta có ấn tượng và lưu vào tâm trí hình ảnh “hoa đong đưa”, “hồn lau”, “mùa em”, “hoa vè” và cùng rung động trong cõi phiêu bồng của nỗi “nhớ chơi vơi” ấy.

Tạo hóa trao cho con người ngôn ngữ để sáng tạo thơ ca. Từ những lời hát trong bài ca lao động của người nguyên thủy, những lời cầu nguyện, mong ước điều tốt lành cho mùa màng đến những lời niêm chúc có thể coi như hình thức đầu tiên của thơ. Trải qua thời gian, vẻ đẹp ngôn ngữ thơ ca ngày càng phát triển và hoàn thiện tựa như những nguồn nước mát trong nảy sinh từ cội nguồn sáng tạo sâu thẳm vô tận của con người.

Bài của Đỗ Phương Thùy (Thanh Hóa). Theo Nguyễn Đăng Mạnh (Chủ biên) – Đỗ Ngọc Thống, Std, tr.430-437.